

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án đầu tư
xây dựng cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mối
trạm bơm La Tiến, huyện Phù Cừ (Giai đoạn 1)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mối trạm bơm La Tiến, huyện Phù Cừ (Giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mối trạm bơm La Tiến, huyện Phù Cừ (Giai đoạn 1);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 166/TTr-SNN ngày 23/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mối trạm bơm La Tiến, huyện Phù Cừ (Giai đoạn 1) với các nội dung chính chủ yếu như sau:

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung của dự án:

1.1. Các hạng mục công trình thủy lợi:

a) Cải tạo, nạo vét sông Sậy - La Tiến:

- Cải tạo nạo vét và đổ bê tông chân khay trên tuyến sông Sậy bao gồm: Đoạn từ K0+370,82 đến K0+705,84; đoạn từ K1+310 đến K1+430,88; đoạn từ K1+542,19 đến K3+75,96; đoạn từ K3+294,99 đến K3+679; đoạn từ K3+792 đến K4+100 và đoạn từ K6+608,44 đến K8+429,91, chiều rộng đáy sông thiết kế thay đổi theo từng đoạn từ B = 5,0m đến B = 14,0m, cao trình đáy sông thiết kế ở -0,50m, hệ số mái thiết kế m = 1,50; nạo vét ao Hoàng Xá đến cao trình thiết kế -0,5m.

- Kè mái đối với các đoạn từ K1+542,19 đến K2+695,86 (trạm bơm Trại Cá); đoạn từ K2+720,86 đến K3+75,96; đoạn từ K3+294,99 đến K3+679; đoạn từ K3+792 đến K4+100 và đoạn từ K6+608,44 đến K8+429,91 (cầu Quán Bàu) với kết cấu cụ thể:

+ Đối với những vị trí xây kè lát mái: Mái kè xây đá hộc vữa XMCV M100 dày 40cm, phía trong lót đá dăm 1x2cm dày 5cm, thoát nước mái kè bằng ống nhựa PVC $\Phi 42\text{mm}$; cứ 20,0m bố trí một khe tách lún bằng giấy dầu nhựa đường (02 lớp giấy, 03 lớp nhựa), trung bình 200m bố trí một bậc lên xuống có chiều rộng B = 1,0m; chân khay đổ bê tông M150 đá 2x4cm với kích thước (70x70)cm, phía dưới lót đá dăm 1x2cm dày 10cm, nền móng chân khay gia cố bằng cọc tre $\Phi(6-8)\text{cm}$, chiều dài cọc L = 3,0m, mật độ 25cọc/m². Riêng đoạn từ K2+015 đến K2+375 hệ số mái m = 1,0.

+ Đối với những vị trí xây tường chắn đất: Tường chắn đất xây bằng đá hộc vữa XMCV M100, móng tường đổ bê tông M150 đá 4x6cm, phía dưới lót đá dăm 1x2cm, dày 10cm; nền móng tường gia cố bằng cọc tre chiều dài cọc L=3,0m, mật độ 25cọc/m², thoát nước mái kè bằng ống nhựa PVC $\Phi 60\text{mm}$.

b) Kênh tưới: Đoạn từ K2+368 đến K2+695 (trạm bơm Trại Cá), kênh hình chữ nhật b_{xh} = (0,60x0,80)m, cao trình đáy kênh thiết kế là +1,34m; kết cấu đáy kênh đổ bê tông M150 đá 2x4cm dày 15cm, dưới rải đá dăm lót dày 10cm, nền móng kênh gia cố bằng cọc tre chiều dài cọc L = 3,0m, mật độ 25cọc/m², tường kênh xây gạch chỉ đặc M75 vữa XM M75, phần lộ thiên trát vữa XM M75 dày 1,5cm, bố trí thanh chống và giằng tường bằng bê tông cốt thép M200 đá 1x2cm.

c) Sông Hiệp Hòa: Cải tạo, nạo vét sông Hiệp Hòa từ vị trí K6+925 đến K8+298,91 (trạm bơm Quang Yên với chiều dài tuyến thiết kế L= 1.373,91 m, chiều rộng đáy sông thiết kế thay đổi từ B = 5,50m đến B = 7,50m, cao trình đáy sông thiết kế -0,50m, hệ số mái m = 1,50.

1.2. Các hạng mục công trình giao thông:

a) Đường bờ sông Sậy - La Tiến:

- Cứng hóa mặt đường bờ sông phía đối diện với đường tỉnh ĐT.386: Gồm các đoạn từ K2+720,86 đến K2+991,98; đoạn từ K3+294,99 đến K3+679 và đoạn từ K3+792 đến K3+867,16, chiều rộng mặt đường thiết kế B = 3,0m, độ dốc ngang mặt đường $i_{\text{mặt}} = 2\%$, chiều rộng lề đường mỗi bên thay đổi từ 0,5m đến 1,0m, độ dốc ngang lề đường $i_{\text{lề}} = 4\%$; kết cấu mặt đường đổ bê tông xi măng M250 đá 2x4cm dày 20cm, bên dưới lót lớp nilon tái sinh, lớp cát đen tạo phẳng dày 5cm, móng rải cấp phối đá dăm loại I dày 15cm đầm chặt với K=0,98, nền đường đắp cát đen lu nền đạt K = 0,95 dày 60cm, cứ 5m bố trí một khe co, 30m bố

trí một khe dẫn; lề đường đắp đất $K = 0,90$, mái taluy $m = 1,5$; vuốt nổi từ đường bê tông trên tuyến sông xuống các đường nhánh của khu dân cư với kết cấu mặt đường vuốt dốc đổ bê tông xi măng M200 đá 2x4cm dày 20cm, bên dưới lót lớp nilon tái sinh, lớp cát đen tạo phẳng dày 5cm, móng rải cấp phối đá dăm loại I dày 15cm đầm chặt với $K = 0,98$.

- Đoạn đường bờ sông Sậy - La Tiến đi qua thôn Hoàng Xá: Chiều dài tuyến đường $L = 356,0\text{m}$, chiều rộng mặt đường thiết kế thay đổi từ $B = 3,0$ đến $B=5,0\text{m}$, độ dốc ngang mặt đường $i_{\text{mặt}} = 2\%$, chiều rộng lề đường $B_{\text{lề}} = 0,5\text{m}$; kết cấu mặt đường đổ bê tông xi măng M250 đá 2x4cm dày 20cm, bên dưới lót lớp nilon tái sinh, cát đen tạo phẳng dày 3,0cm, phần móng đường mở rộng ($B=0,50\text{m}$) rải cấp phối đá dăm loại I dày 15cm đầm chặt với $K = 0,98$, nền đường đắp cát đen lu nền đạt $K = 0,95$. Rãnh thoát nước kích thước $b \times h = (0,4 \times 0,5)\text{m}$, kết cấu tường rãnh xây gạch chỉ M75, vữa XMCV M75, móng rãnh đổ bê tông M100 đá 1x2cm dày 10cm, dưới đệm cát đen dày 5cm.

- Đoạn đường bờ sông Sậy-La Tiến đoạn từ K7+302,58 đến K8+18,48: Chiều rộng mặt đường thiết kế đường $B_{\text{mặt}} = 3,0\text{m}$, chiều rộng lề đường mỗi bên thay đổi từ 0,5m đến 1,0; kết cấu nền đường đắp cát lu nền đầm chặt $K = 0,95$ dày 60cm, lề đường đắp đất $K = 0,90$.

b) Đường bờ sông Hiệp Hòa:

- Cứng hóa mặt đường bờ sông phía đối diện với đường huyện ĐH.80 đoạn từ K7+328,93 đến K8+298.91, chiều rộng mặt đường thiết kế $B = 3,0\text{m}$, chiều rộng lề đường mỗi bên thay đổi từ 0,5m đến 1,0m; kết cấu nền đường đắp cát lu nền đạt $K = 0,95$ dày 60cm, móng rải cấp phối đá dăm loại I dày 15cm đầm chặt với $K = 0,98$; lề đường đắp đất $K = 0,90$, mái taluy $m = 1,5$.

- Kiên cố hóa mái taluy đường hai bên bờ sông Hiệp Hòa: Đoạn từ K6+840,99 đến K9+258,42 (phía đường ĐH.80) và đoạn từ K7+328 đến K8+298 (phía đường đối diện đường ĐH.80) với kết cấu mái kè, đỉnh kè xây đá hộc vữa XMCV M100 dày 40cm, phía dưới lót đá dăm 1x2cm dày 5cm, thoát nước mái kè bằng ống nhựa PVC $\Phi 42\text{mm}$; cứ khoảng 20,0m bố trí một khe tách lún bằng giấy dầu nhựa đường (02 lớp giấy, 03 lớp nhựa), trung bình 200m bố trí một bậc lên xuống có chiều rộng $B = 1,0\text{m}$; chân khay đổ bê tông M150 đá 2x4cm với kích thước (70x70)cm, phía dưới lót đá dăm 1x2cm dày 10cm, nền móng chân khay gia cố bằng cọc tre $\Phi(6-8)\text{cm}$, chiều dài cọc $L = 3,0\text{m}$, mật độ 25cọc/m².

- Riêng đoạn từ K6+925 đến K7+328,93 (phía đường đối diện ĐH.80): Đã thi công phần bê tông chân khay kè.

1.3. Công trình trên sông: Cải tạo và xây dựng lại một số các cầu, cống qua đường đã bị hư hỏng, xuống cấp không đáp ứng được yêu cầu dẫn nước và giao thông, cụ thể như sau:

a) Công trình trên sông Sậy - La Tiến:

- Xây dựng các cống trên sông Sậy - La Tiến:

+ Xây dựng 06 cống hộp tại các vị trí: K2+379,74, K3+310, K4+311,00, K4+904,15, K7+333,17 và K8+170,24; kết cấu cống bằng bê tông cốt thép 30MPa đá 2x4cm, bê tông lót móng 15MPa dày 10cm, phía dưới lót đá dăm dày 10cm,

nền móng công gia cố bằng cọc tre $\Phi(6-8)\text{cm}$, với chiều dài cọc $L = 3,0\text{m}$, mật độ $25\text{cọc}/\text{m}^2$.

+ Xây dựng 01 công hộp tại vị trí $K3+959,10$: Công hộp có tiết diện hình chữ nhật $\text{b} \times \text{h} = (2,5 \times 2,9)\text{m}$ đầu nối với công hiện trạng; kết cấu công bằng bê tông cốt thép M300 đá $2 \times 4\text{cm}$, bê tông lót M150 đá $2 \times 4\text{cm}$ dày 10cm , phía dưới lót đá dăm dày 10cm , nền móng công gia cố bằng cọc tre $\Phi(6-8)\text{cm}$, với chiều dài cọc $L = 3,0\text{m}$, mật độ $25\text{cọc}/\text{m}^2$.

- Cầu máng tại vị trí $K8+171$: Kích thước cầu $\text{b} \times \text{h} = (1,0 \times 1,0)\text{m}$; kết cấu cầu đỡ bê tông cốt thép M250 đá $1 \times 2\text{cm}$.

- Xây dựng 04 công luôn tiêu bằng công tròn $D = 1,0\text{m}$ tại các vị trí: $K3+542,72$, $K3+671,6$, $K7+798,7$ và $K8+68,6$; kết cấu bằng ống công bê tông cốt thép đúc sẵn, móng công xây đá hộc vữa XMCV M100 dày 40cm , phía dưới bê tông lót M100 dày 10cm , tường cánh công đỡ bê tông xi măng M150 đá $2 \times 4\text{cm}$, tường đầu công xây đá vữa XMCV M100; dàn van và cánh phai công bằng bê tông cốt thép M200, điều tiết công bằng máy đóng mở kiểu vít V2.

- Xây dựng 04 cầu bản đi vào khu dân cư trên tuyến sông Sậy – La Tiến tại các vị trí $K3+997,20\text{m}$, $K4+19,65\text{m}$, $K4+38,62\text{m}$ và $K4+99,03\text{m}$; chiều rộng mặt cầu thiết kế $B_{\text{mặt}} = 3,50\text{m}$, chiều dài nhịp $L = 5,60\text{m}$, cao trình mặt cầu $+3,51\text{m}$; kết cấu móng mố, thân mố, thanh chống của cầu bản đỡ bê tông xi măng M200 đá $2 \times 4\text{cm}$, nền móng mố cầu được gia cố bằng cọc tre $\Phi(6-8)\text{cm}$, với chiều dài cọc $L = 3,0\text{m}$, mật độ $25\text{cọc}/\text{m}^2$; mũ mố bằng bê tông cốt thép M200, dầm cầu (bản mặt cầu) bằng bê tông cốt thép M300, hai bên lan can cầu đỡ bê tông cốt thép M250.

b) Công trình trên sông Hiệp Hòa: Xây dựng 01 công hộp tại vị trí $K7+330$: Công hộp có kết cấu công bằng bê tông cốt thép 30MPa đá $2 \times 4\text{cm}$, bê tông lót móng 15Mpa dày 10cm , phía dưới móng đệm đá dăm dày 10cm , nền móng công gia cố bằng cọc tre $\Phi(6-8)\text{cm}$, với chiều dài cọc $L = 3,0\text{m}$, mật độ $25\text{cọc}/\text{m}^2$; tường cánh và sân tiêu năng công đỡ bê tông cốt thép 25MPa đá $2 \times 4\text{cm}$.

2. Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung của dự án:

2.1. Tổng mức đầu tư của dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 : **95.000.000.000 đồng**

Trong đó:

| | |
|----------------------------------|-----------------------|
| - Chi phí xây dựng | : 74.092.671.000 đồng |
| - Chi phí quản lý dự án | : 964.716.000 đồng |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | : 7.290.253.000 đồng |
| - Chi phí khác | : 7.060.213.000 đồng |
| - Chi phí GPMB | : 1.843.539.000 đồng |
| - Chi phí dự phòng | : 3.748.608.000 đồng |

2.2. Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung : **+ 10.000.000.000 đồng**

Trong đó:

| | |
|----------------------------------|------------------------|
| - Chi phí xây dựng | : + 9.426.348.000 đồng |
| - Chi phí quản lý dự án | : + 435.284.000 đồng |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | : - 271.740.000 đồng |

- Chi phí khác : + 686.954.000 đồng
 - Chi phí GPMB : 0 đồng
 - Chi phí dự phòng : - 276.846.000 đồng
- 2.3. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh, bổ sung: **105.000.000.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 83.519.019.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 1.400.000.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 7.018.513.000 đồng
- Chi phí khác : 7.747.167.000 đồng
- Chi phí GPMB : 1.843.539.000 đồng
- Chi phí dự phòng : 3.471.762.000 đồng.

3. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh Hưng Yên là 105.000.000.000 đồng.

- Ngân sách Trung ương: 95.000.000.000 đồng.
- Ngân sách tỉnh: 10.000.000.000 đồng.

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên theo các Quyết định của UBND tỉnh: Số 667/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; số 2579/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 về việc phê duyệt; phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nạo vét hệ thống công trình sau đầu mỗi trạm bơm I.a Tiến, huyện Phù Cừ (Giai đoạn 1).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước Hưng Yên; Trưởng Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./././

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1^D.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Quang